

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NINH GIANG
TỈNH HẢI DƯƠNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 19/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 29/6/2022

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NINH GIANG- TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Quý Long.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Huy Diệu;

2. Ông Triệu Ngọc Vạn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hải Loan-Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Yên- Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 6 năm 2022 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 08/2022/TLST-HNGĐ, ngày 17 tháng 01 năm 2022 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 5 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số: 11/2022/QĐST- HNGĐ, ngày 14/6/2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1983; (Vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

HKTT và chỗ ở: Thôn T, xã T, huyện N, tỉnh Hải Dương;

2. *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1985; (Vắng mặt lần thứ hai).

HKTT và chỗ ở: Thôn T, xã T, huyện N, tỉnh Hải Dương;

3. Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Bà Lưu Thị H1- Luật sư thuộc Văn phòng Luật sư Tâm Á; (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình làm việc nguyên đơn – anh Nguyễn Văn T trình bày: Anh và chị Nguyễn Thị H kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, được Ủy ban nhân dân (UBND) xã T, huyện N tổ chức đăng ký và cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 15/6/2004. Sau khi kết hôn vợ chồng vợ chồng sống hạnh phúc đến khoảng năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do tính cách của vợ chồng không hợp nhau. Anh đi làm ăn xa từ năm 2016 đến tháng 4/2021 mới về. Trong thời gian anh đi làm thì anh và chị H đã xảy ra mâu thuẫn nhiều lần, do mâu thuẫn trầm trọng nên giữa anh và chị H đã không liên lạc với nhau từ lâu. Anh xác định tình cảm vợ chồng đã hết, hôn nhân không còn hạnh phúc nên khởi kiện xin ly hôn chị H.

Về quan hệ con chung: Anh và chị H có ba con chung là Nguyễn Minh T1, sinh ngày 16/7/2005, Nguyễn Hương G, sinh ngày 04/9/2009 và Nguyễn Quang H, sinh ngày 12/8/2013. Hiện cả ba con chung đang ở cùng với chị H. Do con chung là Nguyễn Minh T1 bị khuyết tật đặc biệt nặng (nghe, nói) nên không thể hiện được nguyện vọng ở cùng với ai, còn con chung là Nguyễn Hương G và Nguyễn Quang H đều có nguyện vọng ở cùng chị H nên anh đề nghị Tòa án giao cả ba con chung cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng. Anh tự nguyện cấp dưỡng cho các con số tiền là 2.250.000 đồng/tháng cho đến khi các con Tú, Giang, Hưng đủ 18 tuổi (thành niên) và có khả năng lao động hoặc có tài sản để tự nuôi mình.

Về quan hệ tài sản chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn – chị Nguyễn Thị H: Quá trình giải quyết, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, giấy triệu tập chị H đến làm việc thì chị chỉ có mặt để Tòa án lấy lời khai đến phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải chị đều vắng mặt không có lý do. Tại Biên bản lấy lời khai ngày 26/01/2022 và 09/3/2022. Chị xác định về điều kiện kết hôn, chung sống giống như anh T trình bày, chị cho rằng mâu thuẫn chỉ là nhỏ nhất trong gia đình nên chị không đồng ý ly hôn.

Về quan hệ con chung: Chị và anh T có ba con chung là Nguyễn Minh T1, sinh ngày 16/7/2005, Nguyễn Hương G, sinh ngày 04/9/2009 và Nguyễn Quang H, sinh ngày 12/8/2013. Hiện cả ba con chung đang ở cùng với chị H. Do con chung là Nguyễn Minh T1 bị khuyết tật đặc biệt nặng (nghe, nói) nên không thể hiện được nguyện vọng ở cùng với ai, còn con chung là Nguyễn Hương G và Nguyễn Quang H đều có nguyện vọng ở cùng chị. Ly hôn, chị đề nghị giao cả ba con chung là Nguyễn Minh T1, Nguyễn Hương G, Nguyễn Quang H cho chị trực tiếp nuôi dưỡng. Chị không có quan điểm gì về yêu cầu anh Nguyễn Văn T phải cấp dưỡng cho con.

Chính quyền địa phương xã Tân Phong cung cấp: Anh T và chị H kết hôn với nhau hợp pháp vào ngày 15/6/2004, quá trình chung sống anh T và chị H có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn thì địa phương không nắm bắt được. Nay anh T khởi kiện xin ly hôn, giải quyết việc nuôi con đề nghị Tòa án tích cực hoà giải vợ chồng đoàn tụ nếu không được thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật. Vợ chồng anh T, chị H có ba con chung là Nguyễn Minh T1, sinh ngày 16/7/2005, Nguyễn Hương G, sinh ngày 04/9/2009 và Nguyễn Quang H, sinh ngày 12/8/2013. Hiện nay, cả ba con đang ở cùng chị H. Con chung là cháu Tú bị khuyết tật đặc biệt nặng (nghe, nói), cháu Giang, Hưng đều có nguyện vọng ở với mẹ. Hiện chị H làm công nhân công ty giày da Nguyên Hồng, thu nhập khoảng 5- 6 triệu/tháng; anh T làm công việc tự do thu nhập hàng tháng như thế nào địa phương không nắm được. Đề nghị Tòa án căn cứ quy định của pháp luật giao các con cho chị H nuôi dưỡng, anh T phải cấp dưỡng nuôi con cùng chị H theo quy định pháp luật để đảm bảo quyền, lợi ích của các con chung.

Tại phiên Tòa: Nguyên đơn- Anh Nguyễn Văn T, bị đơn- chị Nguyễn Thị H và Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn vắng mặt. Tại đơn đề nghị giải quyết xét xử vắng mặt anh T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn chị H; giao cả ba con chung là Nguyễn Minh T1, sinh ngày 16/7/2005, Nguyễn Hương G, sinh ngày 04/9/2009 và Nguyễn Quang H, sinh ngày

12/8/2013 cho chị H nuôi dưỡng. Anh tự nguyện cấp dưỡng cho các con số tiền là 2.250.000 đồng/tháng cho đến khi các con Tú, Giang, Hưng đủ 18 tuổi (thành niên) và có khả năng lao động hoặc có tài sản để tự nuôi mình. Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn vắng mặt tại phiên toà gửi bài phát biểu đề nghị HĐXX: Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn đề nghị xử cho anh Nguyễn Văn T ly hôn chị Nguyễn Thị H; Về quan hệ con chung: giao con chung là Nguyễn Minh T1, sinh ngày 16/7/2005, Nguyễn Hương G, sinh ngày 04/9/2009 và Nguyễn Quang H, sinh ngày 12/8/2013 cho chị Nguyễn Thị H nuôi dưỡng. Anh T tự nguyện cấp dưỡng cho các con theo quy định pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ninh Giang có quan điểm xác định việc Tòa án thụ lý, quá trình giải quyết yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn T đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX): Áp dụng các điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147; Điều 227; Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS); Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Xử cho anh Nguyễn Văn T ly hôn chị Nguyễn Thị H; giao con chung là Nguyễn Minh T1, sinh ngày 16/7/2005, Nguyễn Hương G, sinh ngày 04/9/2009 và Nguyễn Quang H, sinh ngày 12/8/2013 cho chị Nguyễn Thị H nuôi dưỡng. Chấp nhận sự tự nguyện của anh Nguyễn Văn T về việc cấp dưỡng cho các con là 2.250.000 đồng/tháng cho đến khi các con Tú, Giang, Hưng đủ 18 tuổi (thành niên) và có khả năng lao động hoặc có tài sản để tự nuôi mình, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 6/2022; anh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của đương sự trong phần tranh luận, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]*Về tố tụng:* Quá trình giải quyết, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy triệu tập chị H đến làm việc, tham gia phiên họp song chị chỉ có mặt khi Tòa án lấy lời khai; anh T đề nghị không tiến hành hòa giải; Tòa án tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập cho nguyên đơn, người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn và bị đơn. Nguyên đơn, người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn vắng mặt lần thứ hai nên vụ án không tiến hành hòa giải được và xét xử vắng mặt nguyên đơn, người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn, bị đơn là đúng quy định tại các điều 207, 227 và Điều 228 BLTTDS.

[2]*Về quan hệ hôn nhân:* Anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị H kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, được UBND xã T, huyện N nơi sinh sống của chị H tổ chức đăng ký và cấp Giấy chứng nhận kết hôn, việc kết hôn không vi phạm điều cấm của luật nên hôn nhân giữa anh T và chị H là hợp pháp.

[3] Anh T khởi kiện xin ly hôn, chị H biết rõ việc anh T khởi kiện xin ly hôn, việc Tòa án triệu tập nhưng chị chỉ trình bày quan điểm khi Tòa án lấy lời khai, chị xác định vợ chồng có mâu thuẫn nhưng chỉ là nhỏ nhặt nên chị không đồng ý ly hôn. Hội đồng xét xử thấy rằng, tại lời khai của anh T, biên bản xác minh ngày 13/5/2022

đều xác định vợ chồng mâu thuẫn. Như vậy, chính anh T, chị H là người vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên để bảo vệ quyền lợi hợp pháp của đương sự, HĐXX căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho anh T ly hôn chị H.

[4] *Về quan hệ con chung*: Anh T, chị H có ba con chung là Nguyễn Minh T1, sinh ngày 16/7/2005, Nguyễn Hương G, sinh ngày 04/9/2009 và Nguyễn Quang H, sinh ngày 12/8/2013. Hiện cháu Tú bị khuyết tật đặc biệt nặng (nghe, nói) và cháu Giang, Hưng đang ở cùng chị H. Anh đề nghị giao cả ba con chung cho chị Nguyễn Thị H nuôi dưỡng. Anh tự nguyện cấp dưỡng cho các con số tiền là 2.250.000 đồng/tháng cho đến khi các con Tú, Giang, Hưng đủ 18 tuổi (thành niên) và có khả năng lao động hoặc có tài sản, thu nhập để tự nuôi mình; HĐXX thấy rằng, tại biên bản lấy lời khai của cháu Giang và cháu Hưng có nguyện vọng ở với chị H. Tại lời khai chị H đề nghị nuôi dưỡng cả ba con chung nhưng không có quan điểm yêu cầu anh T cấp dưỡng cho con; Căn cứ vào quy định của pháp luật, biên bản xác minh ngày 13/5/2022 và nguyện vọng, điều kiện của các bên, nhằm đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của các con, HĐXX giao cả ba con chung Nguyễn Minh T1, sinh ngày 16/7/2005, Nguyễn Hương G, sinh ngày 04/9/2009 và Nguyễn Quang H, sinh ngày 12/8/2013 cho chị H nuôi dưỡng. Chấp nhận sự nguyện của anh T về việc cấp dưỡng cho các con là 2.250.000 đồng/tháng cho đến khi các con Tú, Giang, Hưng đủ 18 tuổi (thành niên) và có đủ khả năng lao động hoặc có tài sản để tự nuôi mình. Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 6/2022.

[5] *Về quan hệ tài sản*: Do không có yêu cầu nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[6] *Về án phí*: Anh Nguyễn Văn T khởi kiện xin ly hôn và có nghĩa vụ cấp dưỡng nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn và cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56; các điều: 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 6; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về... án phí và lệ phí Tòa án.

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho anh Nguyễn Văn T ly hôn anh Nguyễn Thị H.

2. *Về quan hệ con chung*: Xử giao cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Nguyễn Minh T1, sinh ngày 16/7/2005, Nguyễn Hương G, sinh ngày 04/9/2009 và Nguyễn Quang H, sinh ngày 12/8/2013 cho đến khi các con đủ 18 tuổi (thành niên) và có khả năng lao động và có tài sản tự nuôi mình. Chấp nhận sự tự nguyện của anh Nguyễn Văn T về việc phải cấp dưỡng cho các con số tiền là 2.250.000 đồng/tháng cho đến khi các con đủ 18 tuổi (thành niên) và có đủ khả năng lao động hoặc có tài sản để tự nuôi mình. Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 6/2022.

Anh Nguyễn Văn T có quyền, nghĩa vụ thăm, nom con mà không ai được cản trở.

Đến thời hạn thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng cho con, chị Nguyễn Thị H có đơn yêu cầu thi hành án mà anh Nguyễn Văn T chậm trả tiền thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền thì được xác định theo quy định tại khoản 2 Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự.

3. *Về án phí:* Anh Nguyễn Văn T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm (ly hôn) và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng, được trừ với số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí chị đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ninh Giang theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2020/0000024, ngày 26 tháng 10 năm 2021. Anh Nguyễn Văn T còn phải nộp 300.000 đồng.

4. *Về quyền kháng cáo:* Anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Ninh Giang;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ninh Giang;
- UBND xã H, huyện N;
- Dương sự;
- Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Bùi Quý Long